TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 39/2017/HNGĐ-ST Ngày: 09-6-2017 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quốc Huy.

2. Bà Phạm Thị Chuộng.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Kinh Môn.

- Đại diện VKSND huyện Kinh Môn tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp- Kiểm sát viên.

Ngày 09-6-2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2017/QĐXX-ST ngày 16 tháng 5 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1986.
Địa chỉ cư trú: khu A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hải Dương. *Có mặt*
2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990.
Địa chỉ cư trú: khu A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hải Dương.
Hiện đang ở: thôn T, xã Th, huyện K, tỉnh Hải Dương. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh kết hôn với chị N vào ngày 27-9-2009 được

đăng kí tại Uỷ ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Trước khi kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu. Sau ngày cưới vợ chung sống hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng nên vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi. Nay anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh C xác định vợ chồng có 2 con chung là Nguyễn Nhật L, sinh ngày 28-11-2010 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 07-10-2012. Hiện cháu L đang ở với anh, còn cháu K ở với chị N. Anh C có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu L, còn chị N nuôi dưỡng cháu K.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không thực hiện được việc tống đạt thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho chị N. Căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của BLTTDS, Tòa án đã giao cho bố đẻ của chị N thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị N. Tuy nhiên chị N không đến Tòa án để có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của anh C.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 4-5-2017, ông Nguyễn Văn C1 và bà Trương Thị L là bố mẹ đẻ của anh C trình bày: Anh C và chị N kết hôn năm 2009 có đăng ký tại UBND thị trấn K, huyện K trên cơ sở tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống cùng ông bà. Đến năm 2010 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị N đã 1 lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống nhưng sau đó có quay lại gia đình ông bà. Tuy nhiên chị N không thay đổi cách cư xử nên cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, không khí gia đình nặng nề. Tháng 1 năm 2017, sau một lần vợ chồng anh chị cãi nhau thì chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Từ đó đến nay anh chị sống ly thân, anh C cũng không tìm gặp chị N.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10-5-2017, ông Nguyễn Phồn D là bố đẻ của chị N trình bày: Anh C và chị N được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn K, huyện K. Vợ chồng chung sống đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bản thân anh C hay mải chơi, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Đầu năm 2017, chị N đã về chung sống cùng vợ chồng ông. Kể từ khi chị N về nhà

ông, anh C cũng không đến gặp gỡ để nói chuyện vợ chồng đoạn tụ hay gặp gỡ vợ chồng ông để nhờ khuyên bảo giúp. Cũng kể từ đó anh chị sống ly thân.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C không yêu cầu Tòa án hòa giải nên vụ án không tiến hành hoà giải được. Toà án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho chị N đến tham gia tố tụng tại phiên toà sơ thẩm ngày 31-5-2017 nhưng chị N không có mặt. Toà án đã quyết định hoãn phiên toà, ấn định ngày mở lại phiên toà và tống đạt hợp lệ văn bản này theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay, anh C vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày và xin được nuôi dưỡng cả hai con chung vì chị N không có mặt tại tòa án để trình bày quan điểm của mình.

Đại diện VKSND huyện Kinh Môn tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều được đảm bảo.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70 và 71 của BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70 và 72 của BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án: áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Xử cho anh Nguyễn Văn C được ly hôn chị Nguyễn Thị N. Giao cho anh C nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Nhật L, sinh ngày 28-11-2010 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 07-10-2012. Anh C phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1**]** Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị N kết hôn ngày 28-7-2009, có đăng ký tại UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống đến khoảng năm 2016 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Đầu năm 2017, chị N đã về nhà bố mẹ đẻ của chị sinh sống và anh chị sống ly thân từ đó tới nay, không còn liên lạc,

không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Điều này cũng được bố mẹ đẻ của anh C và bố mẹ đẻ của chị N thừa nhận. Kể từ khi Tòa án thụ lý, tình trạng của vợ chồng không được cải thiện vì hai bên không có giải pháp gì để hòa giải, khắc phục mâu thuẫn. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu của anh C xử cho anh C được ly hôn với chị N.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Nguyễn Nhật L, sinh ngày 28-11-2010 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 07-10-2012. Hiện cháu L đang ở với anh C, còn cháu K ở cùng chị N. Khi ly hôn, anh C muốn mỗi người nuôi 1 con nhưng tại phiên tòa anh C xác định chị N không có mặt nên anh xin nuôi cả hai con. Trong quá trình giải quyết vụ án chị N không có mặt tại Tòa án để trình bày quan điểm của mình nên HĐXX sẽ xem xét nguyện vọng của anh C về vấn đề này. Anh C đang công tác tại Đoàn thanh niên thị trấn K với mức lương ổn định 4 triệu đồng/tháng. Anh sống cùng bố mẹ đẻ nên có thể được bố mẹ hỗ trợ việc chăm sóc con. Mặc dù cháu K ở cùng chị N nhưng thực tế hàng ngày anh C là người trực tiếp đưa đón cháu đi học mẫu giáo, sau khi hết giờ làm ở công ty chị N mới đón cháu K về nhà. Như vậy, để đảm bảo quyền lợi cho các con, cần giao các cháu cho anh C nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh C về việc không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh C xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Anh C phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội;

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn C được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn C được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Nhật L, sinh ngày 28-11-2010 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày

07-10-2012. Thời gian kể từ tháng 6-2017 đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh C về việc không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh đã nộp theo biên lai thu số 0001528 ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, anh C đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

Báo nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Kinh Môn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Kinh Môn;
- UBND TT. K, huyện K;
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hà